

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ


SMART PORTFOLIO

Tháng 7/2023

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư
SmartDragon



- ✓ Danh mục đa dạng
- ✓ Chất lượng vượt trội
- ✓ Lợi nhuận bất phá



MỤC LỤC

01

CẬP NHẬT DANH MỤC ĐẦU TƯ THÁNG 07/2023

Danh mục đầu tư đa dạng nhiều chủ đề khác nhau tương ứng với từng khẩu vị rủi ro cũng như kỳ vọng của từng nhà đầu tư khác nhau

02

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

SmartPortfolio là sản phẩm đầu tư thuộc nền tảng SmartDragon, nhằm cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với khẩu vị rủi ro của mỗi nhà đầu tư

03

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

SmartPortfolio sẽ kết hợp giữa hai phương pháp Top-down và Bottom-up để đưa ra những danh mục cổ phiếu khuyến nghị chất lượng

04

BAN PHỤ TRÁCH DANH MỤC ĐẦU TƯ

Là những thành viên có chuyên môn sẽ chịu trách nhiệm đánh giá, đưa ra nhận định với từng cổ phiếu và cơ cấu danh mục phù hợp với các nhóm đối tượng đầu tư

CẬP NHẬT DANH MỤC ĐẦU TƯ

Thị trường trong nước giai đoạn vừa qua ngược dòng chứng khoán thế giới khi tiếp tục tăng sang tuần thứ 4 liên tiếp, lọt Top 3 các thị trường có mức tăng mạnh nhất toàn cầu. Thanh khoản toàn thị trường giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức cao, gấp đôi so với cuối quý 1. Khối ngoại quay lại bán ròng sau tuần cơ cấu danh mục của các quỹ ETF ngoại, tuy vậy dòng tiền qua các kênh ETF tiếp tục ghi nhận tuần vào ròng thứ 3 liên tiếp.

Trong bối cảnh giới đầu tư đặt cược Fed sẽ nâng lãi suất trong cuộc họp tháng 7, đợt tăng điểm gần đây của chứng khoán thế giới dường như đang trở nên đuối sức. Tác động từ chứng khoán thế giới đến thị trường trong nước sẽ trở nên rõ nét hơn trong tuần tới, nhất là khi chỉ số VNINDEX đang ở mức cao trong vòng 9 tháng qua sau chuỗi tăng 4 tuần liên tiếp trong chuỗi tăng 6/7 tuần gần đây.

Trong lần cập nhật danh mục này, chúng tôi cập nhật quan điểm đầu tư ở các cổ phiếu trong danh mục sau khi đánh giá lại các sự kiện kinh tế & thông tin của doanh nghiệp gần đây.

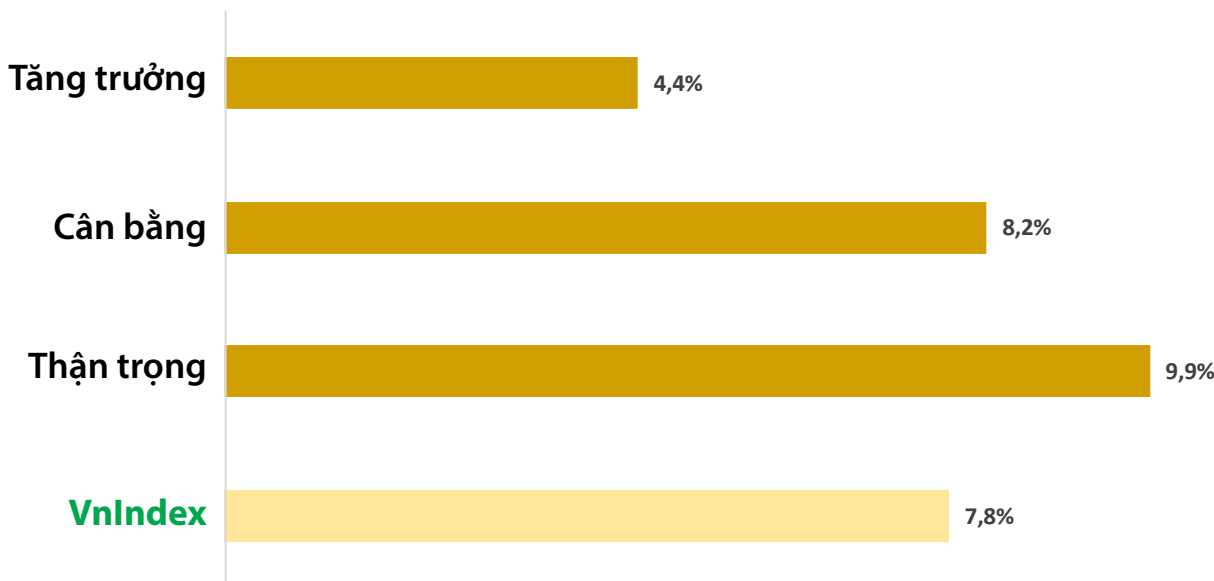
Chúng tôi có cập nhật vùng mua ở một số các cổ phiếu để tận dụng nhịp điều chỉnh, giải ngân khi cổ phiếu chạm đến những vùng mua hấp dẫn hơn cho kỳ vọng 6 – 9 tháng tới.

Bên cạnh đó, chúng tôi bổ sung thêm Danh mục CHỦ ĐỀ cho một số nhóm cổ phiếu hấp dẫn dòng tiền trong thời gian gần đây cũng như kỳ vọng sẽ tạo hiệu suất đầu tư vượt trội hơn khi thị trường chung bước vào nhịp tăng giá.

Một số Danh mục CHỦ ĐỀ tiêu biểu như Cụ thể:

- Danh mục **CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO**: MSH, TDC
- Danh mục **ĐẦU TƯ CÔNG**: HSG, HPG, DPG, LCG, PLC, C4G, HT1, CTD, KSB, VCG
- Danh mục **MIDCAP NỔI BẬT**: BMP, DBD, HDG, NT2, TDM
- Danh mục **P/B < 1**: AAA, CII, CTD, DBC, DXG, GEX, HHV, HSG, IJC, LPB, MSB, NKG, OCB, PAN, PPC, PVD, TCB, TCH, SHS, BSR, OIL, VGT
- Danh mục **BDS DÂN DỤNG & KCN**: NLG, KDH, VHM, IJC, HDC, KBC, LHG, PHR, DPR, IDC, SZC, VGC, GVR.

HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ



Khoảng thời gian: Từ đầu năm (YTD)

Ngày cập nhật: 28-06-2023

DANH MỤC THẬN TRỌNG

- Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

> 7%

Tỷ suất cổ tức

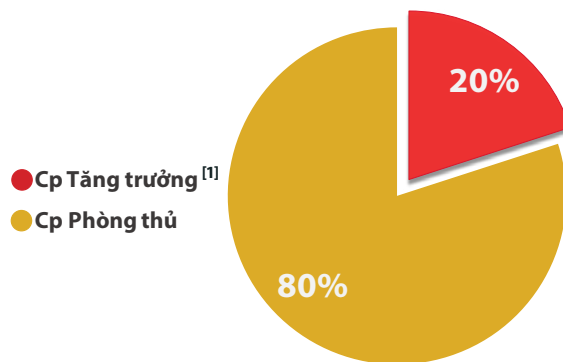
8-10%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



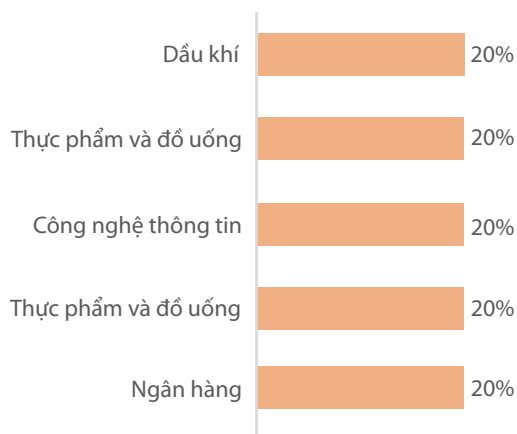
Danh mục cổ phiếu THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
PLX	●	Dầu khí	40.7	37.6	8.2%	35 - 37	20%	25.6	1.9
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	81.1	66.4	22.1%	67 - 68	20%	17.1	4.4
FPT	●	Công nghệ Thông tin	95.9	85.9	11.6%	79 - 81	20%	17.0	4.2
QNS	●	Thực phẩm và đồ uống	56.5	49.1	15.1%	43 - 44	20%	12.3	2.3
VCB	●	Ngân hàng	107.0	101.1	5.8%	90 - 92	20%	15.3	3.3

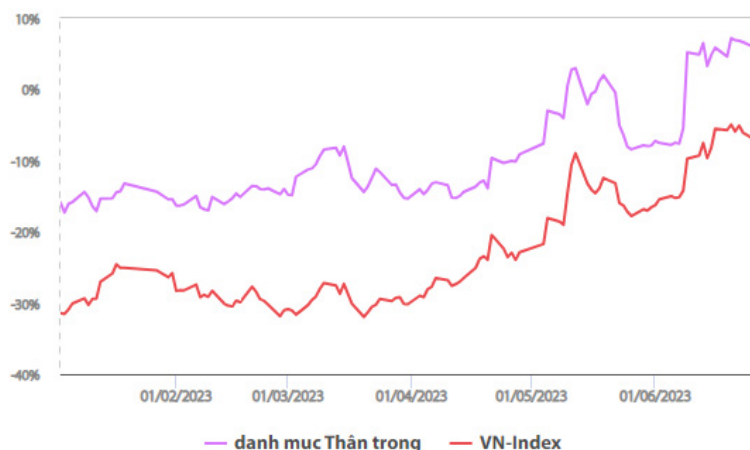
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Thận trọng



*Dữ liệu được cập nhật tại ngày 28-06-2023

Điểm nhấn doanh nghiệp

PLX HOSE

Giá mục tiêu:	40,700
Giá hiện tại:	37,600
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.2%
Vùng mua:	35.000 - 37.000

SmartScore **62**

ĐIỂM	Định giá	90
	Chất lượng	60
	Động lượng	14

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	0.6%
+/- LNST (Q1/2023):	154.7%
EPS: 1,464	P/E: 25.6
ROE: 7.7%	P/B: 1.9

Doanh thu Q1/23 đi ngang svck đạt 67.432 tỷ đồng (+0,6% svck). Tuy nhiên, LN gộp Q1/23 tăng mạnh 28,1% svck lên 3.559 tỷ đồng nhờ nguồn cung trong nước ổn định trở lại khi nhà máy lọc dầu (NMLD) Nghi Sơn hoạt động hết công suất, giúp PLX giảm thiểu các khoản chi phí đột biến liên quan đến việc tăng nguồn hàng nhập khẩu như trong Q1/22. Trong Q1/23, chi phí bán hàng tăng 22,2% svck lên 2.808 tỷ đồng do chi phí nhân viên cao hơn (+27% svck) và LN tài chính thuần tăng 520% svck lên 131 tỷ đồng chủ yếu nhờ lãi tỷ giá cao hơn. Kết quả, PLX ghi nhận LN ròng Q1/23 đạt 620 tỷ đồng, tăng trưởng 154,7% svck và hoàn thành 17% dự phóng cả năm của chúng tôi.

Vào ngày 7/4 vừa qua, PLX đã bán đấu giá toàn bộ 120 triệu cổ phần PGBank (PGB), tương đương 40% tổng cổ phần của ngân hàng với giá 21.400 đ/cp. Thương vụ thành công đồng nghĩa với việc PLX đã thoái vốn hoàn toàn khỏi PGB và thu về 2.568 tỷ đồng. Chúng tôi ước tính PLX ghi nhận ~680 tỷ đồng doanh thu tài chính trong Q2/23, tương đương khoảng 14% LNTT của PLX trong năm 2023.

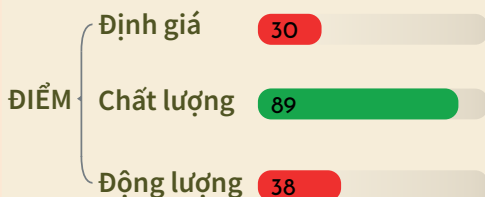
Chúng tôi kỳ vọng PLX sẽ phục hồi mạnh mẽ từ trong giai đoạn 2023-25 với mức tăng trưởng kép LN ròng đạt 46,1% nhờ: (1) thị trường xăng dầu trong nước ổn định trở lại từ năm 2023 nhờ việc NMLD Nghi Sơn vận hành hết công suất và việc điều chỉnh phụ phí kinh doanh xăng dầu kịp thời và đầy đủ của cơ quan quản lý, giúp hạn chế các chi phí kinh doanh xăng dầu đột biến như đã phát sinh trong năm 2022, và (2) tổng sản lượng tiêu thụ xăng dầu đạt tăng trưởng kép là 3% trong năm 2023-25.

VNM HOSE

Giá mục tiêu:	81,100
Giá hiện tại:	66,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	22.1%
Vùng mua:	67.000 - 68.000

SmartScore

61



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	0.3%
+/- LNST (Q1/2023):	-18.0%
EPS: 3,880	P/E: 17.1
ROE: 25.6%	P/B: 4.4

Q1/2023, Doanh thu thuần hợp nhất đạt 13.918 tỷ đồng (~592 triệu USD; +0,3% YoY), trong đó doanh thu kênh nội địa giảm và kênh xuất khẩu tăng. Doanh thu xuất khẩu đã quay lại tăng trưởng dương sau giai đoạn sụt giảm trong năm 2022. Biên lợi nhuận bị thu hẹp do chi phí sửa nguyên liệu cao và sự tăng mạnh trong chi phí BH&QLDN. Lợi nhuận tài chính cao hơn giúp tốc độ giảm của lợi nhuận ròng thấp hơn tốc độ giảm của EBIT, đạt 1.856 tỷ đồng (~79 triệu USD, -18,1% YoY).

Chúng tôi kỳ vọng doanh thu Q2/2023 sẽ tăng trưởng tích cực, đạt 15.703 tỷ đồng (~668 triệu USD; +12,8% QoQ; +5,2% YoY). Chúng tôi cho rằng VNM sẽ đưa một lượng nhỏ bột sửa nguyên liệu giá rẻ vào sản xuất kể từ Q2/2023, dẫn đến biên lợi nhuận gộp được cải thiện. Tuy nhiên, vì kỳ vọng chi phí quảng cáo và khuyến mãi cao hơn, lợi nhuận sau thuế dự tính sẽ chỉ tăng +3,6% QoQ và +1,3% YoY, lên mức 2.110 tỷ đồng (~90 triệu USD).

Chúng tôi dự phóng doanh thu thuần và LNST hợp nhất năm 2023 sẽ lần lượt đạt 62.532 tỷ đồng (~2.661 triệu USD; +4,3% YoY) và 8.767 tỷ đồng (~373 triệu USD; +2,9% YoY). EPS tương đương 3.775 đồng (+3,9% YoY). Kết hợp giữa FCF (50%) và so sánh bội số (PER) (50%), giá mục tiêu của chúng tôi cho VNM là 81.100 đồng và đề xuất MUA cổ phiếu này cho dài hạn.

FPT HOSE

Giá mục tiêu:	95,900
Giá hiện tại:	85,900
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.6%
Vùng mua:	79.000 - 81.000

SmartScore

61



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	20.1%
+/- LNST (Q1/2023):	20.6%
EPS: 5,058	P/E: 17.0
ROE: 26.7%	P/B: 4.2

Doanh thu 1Q2023 của FPT đạt 11,681 tỷ VND (+20% YoY), tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu tích cực với đón góp chính từ mảng CNTT nước ngoài và Giáo dục. Lợi nhuận sau thuế đạt 1,810 tỷ VND (+18% YoY). Biên lợi nhuận gộp trong Quý 1/2023 của FPT giảm so với cùng kỳ do (1) chi trả bản quyền cho mảng PayTV (2) mảng CNTT trong nước âm ảm, thiếu các hợp đồng có biên lợi nhuận cao từ ngành Ngân hàng hay BĐS.

Trong dài hạn, chúng tôi kỳ vọng xu hướng chi tiêu cho chuyển đổi số gia tăng sẽ củng cố triển vọng mảng CNTT nước ngoài của FPT do (1) FPT có thể duy trì lợi thế về chi phí nhân lực so với các đối thủ cùng khu vực (2) FPT có năng lực, kinh nghiệm trong tư vấn và thực hiện chuyển đổi số.

Chúng tôi kỳ vọng mảng giáo dục sẽ đóng góp tích cực vào tăng trưởng kết quả kinh doanh của toàn tập đoàn và tiếp tục đà tăng trưởng mạnh trong năm 2023 do (1) Nhu cầu nhập học lớn. Số lượng học sinh của FPT Education đã đạt đến mốc Mega, tương đương với hơn 100,000 người học (+45% YoY). Điều này cho thấy nhu cầu lớn đối với dịch vụ giáo dục của FPT (2) FPT mở rộng thêm các cơ sở giáo dục tại tỉnh và địa phương trên cả nước.

Dựa trên định giá FCF và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT.

QNS HOSE

Giá mục tiêu: 56,500
Giá hiện tại: 49,100
Lợi nhuận kỳ vọng: 15.1%
Vùng mua: 43.000 - 44.000

SmartScore **68**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023): 17.4%
+/- LNST (Q1/2023): 80.1%
EPS: 3,985 P/E: 12.3
ROE: 19.8% P/B: 2.3

Theo QNS, doanh thu thuần tháng 5/2023 tăng 38% so với cùng kỳ đạt 930 tỷ đồng và LNTT tăng 121% so với cùng kỳ đạt 248 tỷ đồng. Trong 5 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần tăng 30% so với cùng kỳ đạt 4.340 tỷ đồng và LNTT tăng 104% so với cùng kỳ đạt 828 tỷ đồng.

Trong tháng 5/2023, doanh thu thuần mảng đường đạt 490 tỷ đồng, tăng 182% so với cùng kỳ nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 161% so với cùng kỳ đạt 24.800 tấn (từ 9.500 tấn) và giá bán đường tăng 13% so với cùng kỳ (theo ước tính của chúng tôi). Lũy kế 5T2023, doanh thu mảng đường tăng 163% so với cùng kỳ đạt 1.790 tỷ đồng và LNTT tăng 517% so với cùng kỳ đạt 370 tỷ đồng.

Trong tháng 5/2023, doanh thu thuần mảng sữa đậu nành đạt 425 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ, với sản lượng tiêu thụ tăng 5% so với cùng kỳ đạt 25,5 triệu lít. Tuy nhiên, LNTT tăng 30% so với cùng kỳ do QNS chủ định cắt giảm chi tiêu khuyến mại & tiếp thị. Lũy kế 5T2023, doanh thu mảng sữa đậu nành giảm 8% so với cùng kỳ đạt 1.600 tỷ đồng, trong khi LNTT tăng 10% so với cùng kỳ đạt 280 tỷ đồng trong 5 tháng đầu năm 2023.

Chúng tôi tăng dự báo lợi nhuận thuần trong năm 2023 lên 1.701 tỷ đồng (tăng trưởng 32,3%) và duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 56.500đ do triển vọng cải thiện.

VCB HOSE

Giá mục tiêu: 107,000
Giá hiện tại: 101,100
Lợi nhuận kỳ vọng: 5.8%
Vùng mua: 90.000 - 92.000

SmartScore **75**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023): 10.7%
+/- LNST (Q1/2023): 12.9%
EPS: 6,533 P/E: 15.3
ROE: 23.2% P/B: 3.3

Tổng thu nhập hoạt động trong 3 tháng đầu năm tăng 10.7% so với cùng kỳ, với động lực chính đến từ khoản thu nhập lãi thuần tăng 18.6%. Ngoài ra, thu nhập ngoài lãi giảm 9.3% svck, với nguyên nhân chính đến từ việc sụt giảm trong dịch vụ thẻ (giảm 22% svck) và thanh toán nội địa (giảm 11% svck).

Luận điểm đầu tư: (1) Tăng trưởng tín dụng cao trong năm 2023; (2) Kế hoạch tăng vốn trong năm 2023; (3) NIM được kì vọng sẽ có sự hồi phục ở nửa cuối năm 2023 và tiếp tục duy trì trong các năm tới; (4) Chất lượng tài sản đứng đầu toàn ngành. Rủi ro đầu tư: (1) Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh trong thời gian qua có thể làm ảnh hưởng đến khoản thu lợi nhuận hạch toán trong năm nay của VCB; (2) Hạn mức tín dụng có thể không đạt được như kì vọng.

Chúng tôi dự phóng TOI của VCB trong năm 2023F sẽ đạt 77,581 tỷ đồng, tăng 14% svck, với kỳ vọng của chúng tôi là NIM vẫn tiếp tục duy trì quanh mức 3.37% và hoạt động ngoài lãi sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong năm nay và chi phí vốn (CoF) sẽ suy giảm trong nửa cuối năm 2023. LNTT 2023F đạt trên 45,800 tỷ đồng, tăng 18.7% svck, chủ yếu đến từ việc chi phí DPRRTD trong năm nay vẫn duy trì ở mức cao (9,700 tỷ đồng).

Tại mức giá hiện tại, VCB đang giao dịch tại mức P/B dự phóng 3.0x lần cho năm 2023, cao hơn so với P/B ngành (1.5x lần). Chúng tôi khuyến nghị MUA với cổ phiếu VCB, với giá mục tiêu sau 12 tháng là 107,000 đồng/cổ phiếu theo phương pháp kết hợp giữa RI và P/B.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
SZC	-	Bất động sản	39.0	36.6	6.6%	32 - 33	26.9	2.3	1,338
KBC	-	Bất động sản	31.0	29.3	6.0%	26 - 27	11.2	1.3	2,620
REE	●	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77.0	63.0	22.2%	58 - 60	9.4	1.6	6,708
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	48.5	44.4	9.2%	43 - 45	12.1	2.0	3,663
DPR	●	Hóa chất	58.0	59.4	-2.4%	55 - 57	9.9	1.1	5,967
BMI	●	Bảo hiểm	26.0	23.9	8.8%	22 - 22,5	8.9	1.1	2,688
ACB	●	Ngân hàng	25.2	21.8	15.6%	20 - 21	5.8	1.4	3,742

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng

● Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

DANH MỤC CÂN BẰNG

- Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

> 5%

Tỷ suất cố tức

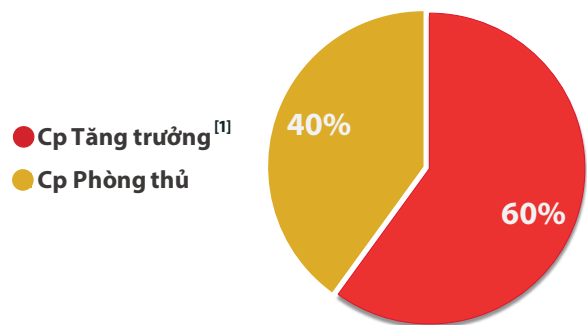
10-15%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



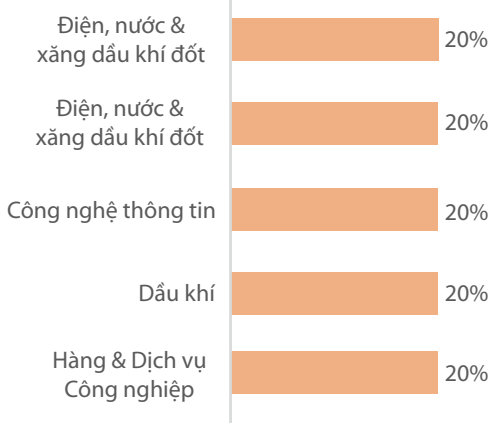
Danh mục cổ phiếu CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	48.5	44.4	9.2%	43 - 45	20%	12.1	2.0
NT2	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	35.1	31.6	11.3%	28 - 29	20%	9.4	2.0
FPT	●	Công nghệ Thông tin	95.9	85.9	11.6%	79 - 81	20%	17.0	4.2
PVD	●	Dầu khí	26.8	25.0	7.4%	20 - 21	20%	526.3	1.0
GMD	●	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.0	51.7	21.9%	50 - 51	20%	16.9	2.2

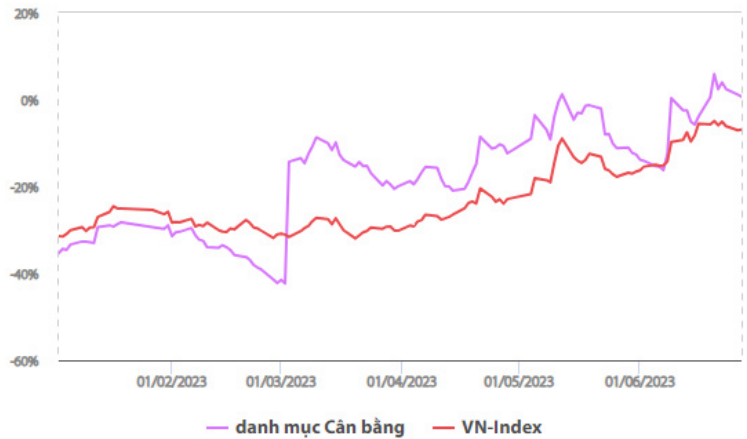
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Cân bằng



Điểm nhấn doanh nghiệp

BWE HOSE

Giá mục tiêu:	48,500
Giá hiện tại:	44,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.2%
Vùng mua:	43.000 - 45.000

SmartScore **40**

ĐIỂM	Định giá	40
	Chất lượng	41
	Động lượng	38

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	-7.2%
+/- LNST (Q1/2023):	-20.4%
EPS: 3,663	P/E: 12.1
ROE: 16.4%	P/B: 2.0

Với hệ thống nhà máy có công suất lớn, mỗi năm Biwase thu về cả nghìn tỷ đồng doanh thu từ cấp nước và xử lý rác thải. Năm 2022, doanh thu của doanh nghiệp này tiếp tục tăng trưởng 11% so với cùng kỳ, đạt gần 3.500 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thu về gần 750 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2021 trước đó

Quý đầu năm 2023, tổng doanh thu của công ty đạt gần 681 tỷ đồng tương ứng trung bình mỗi ngày thu về hơn 7 tỷ đồng. Trong đó, mảng nước sạch vẫn đóng góp lớn nhất đến 76% tổng doanh thu, còn lại là xử lý rác, nước thải và hoạt động khác. Lợi nhuận sau thuế thu về gần 92 tỷ đồng trong đó đóng góp chủ yếu cũng đến từ mảng cung cấp nước sạch.

Ngoài ngành nước, Biwase còn có một công ty liên kết rất đáng chú ý là CTCP Đầu tư - Xây dựng Chánh Phú Hòa (CPHACO), hoạt động chính trong lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công viên nghĩa trang nhân dân, khu công nghiệp, khu dân cư và đặc biệt là kinh doanh nghĩa trang, nhà tang lễ. Công ty này được biết đến là đơn vị chủ quản Hoa Viên Nghĩa Trang Chánh Phú Hòa Bình Dương quy mô khoảng 300 ha, lớn nhất tỉnh Bình Dương.

Sở hữu một trong những nghĩa trang lớn nhất cả nước, CPHACO mỗi năm mang về hàng chục tỷ đồng lợi nhuận từ hoạt động bán đất an táng và các dịch vụ mai táng, tang lễ... Năm 2021, doanh thu của doanh nghiệp này đạt 402 tỷ đồng, tăng 18% so cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 83 tỷ đồng, tăng 33% so với năm trước. Với tư cách là cổ đông lớn nhất nắm giữ 43,16% cổ phần, Biwase có thể thu về hàng chục tỷ đồng từ lãi liên kết, bên cạnh cổ tức đều đặn hàng năm.

NT2 HOSE

Giá mục tiêu:	35,100
Giá hiện tại:	31,550
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.3%
Vùng mua:	28.000 - 29.000

SmartScore **57**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	8.8%
+/- LNST (Q1/2023):	46.5%
EPS: 3,327	P/E: 9.4
ROE: 21.2%	P/B: 2.0

Doanh thu thuần 1Q2023 của NT2 đạt 2,182 tỷ VND (+8.8% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 233.82 tỷ VND, tương đương 49.4% kế hoạch năm. Trong Quý 1/2023, sản lượng điện thương phẩm đạt 1074.8 triệu kWh (+8% YoY). Sản lượng Qc đạt 1039.8 triệu kWh, chiếm khoảng 97% sản lượng điện thương phẩm của NT2. Kết quả tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu điện cao, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh thủy điện giảm xuống.

NT2 có ghi nhận một khoản trích lập khoảng 198 tỷ VND dự phòng đối với EPTC trong nửa sau 2022. Tuy nhiên, khoản này sau đó đã được hoàn lập trong công bố về cập nhật báo cáo tài chính 4Q2022 khiến LNST 2022 của NT2 đạt 883 tỷ VND (+65% YoY), thay vì 729 tỷ (+37%) so với trước khi hoàn lập. Theo đó, dự phóng của chúng tôi cũng sẽ thay đổi vì khoản dự phòng này đã được hoàn lập vào năm 2022.

Theo EVN, nhu cầu điện của hệ thống điện quốc gia đã tăng lên mức kỷ lục mới vào ngày 06/05/2023, tương đương 895 triệu kWh (+12.34% YoY). Công suất tiêu thụ cực đại đạt 43,0300 MW (+9.12% YoY), cao nhất kể từ đầu năm. Nhu cầu phụ tải điện đang có xu hướng tăng cao, đặc biệt là vào mùa nắng nóng.

Dựa trên định giá FCFF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu NT2.

PVD HOSE

Giá mục tiêu:	26,800
Giá hiện tại:	24,950
Lợi nhuận kỳ vọng:	7.4%
Vùng mua:	20.000 - 21.000

SmartScore **48**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	7.0%
+/- LNST (Q1/2023):	100.0%
EPS: 47	P/E: 526.3
ROE: 0.2%	P/B: 1.0

Nhiều chiến dịch E&P trong nước sẽ được thực hiện bắt đầu từ năm 2024, hỗ trợ mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan phục hồi. Các dự án dài hạn trong nước như Lô B, Đại Hùng - Giai đoạn 3 và Yellow Camel sẽ tiếp tục tiến triển và cung cấp việc làm cho công ty. Ban lãnh đạo kỳ vọng Lô B sẽ nhận được quyết định đầu tư cuối cùng vào quý 3/2023 và bắt đầu khoan vào cuối năm 2025, điều này có thể mang lại các hợp đồng dịch vụ dịch vụ kỹ thuật giếng khoan cho PVD bắt đầu từ năm 2026.

PVD đã ký các hợp đồng cho PVD I và PVD VI với giá thuê ngày đạt ~USD100.000 - cao hơn 10% so với các hợp đồng trước đây. Do đó, PVD đã có được các hợp đồng cho tất cả 6 giàn cho cả năm 2023. PVD cũng đang đàm phán gia hạn hợp đồng cho giàn PVD III JU với Hibiscus (Malaysia) cho 6 tháng cuối năm 2024 với giá thuê ngày cao hơn tương ứng với diễn biến khả quan của thị trường JU toàn cầu.

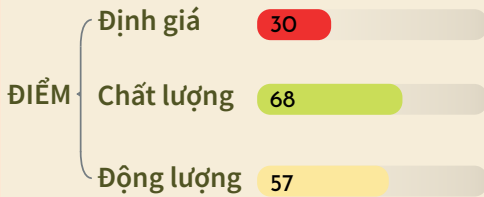
Chúng tôi kỳ vọng sự phục hồi mạnh mẽ vào năm 2023, với LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi dự kiến tăng 3,5 lần YoY từ mức cơ sở thấp vào năm 2022. Mức tăng trưởng này chủ yếu nhờ giá thuê ngày giàn JU trung bình của PVD tăng 20% YoY và hiệu suất hoạt động đạt 96% (so với 85% vào năm 2022).

PVD có định giá hấp dẫn với P/B năm 2023 đạt 0,9 lần và P/E năm 2023 đạt 47,7 lần (PEG đạt 0,5 dựa trên CAGR EPS giai đoạn 2023-2026 là 96%). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **KHẢ QUAN** với giá mục tiêu 26.800 đồng với khuyến nghị **KHẢ QUAN**.

GMD HOSE

Giá mục tiêu:	63,000
Giá hiện tại:	51,700
Lợi nhuận kỳ vọng:	21.9%
Vùng mua:	50.000 - 51.000

SmartScore **54**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	2.5%
+/- LNST (Q1/2023):	-26.1%
EPS: 3,064	P/E: 16.9
ROE: 13.2%	P/B: 2.2

Năm 2022, GMD đạt KQKD khá tốt nhờ hưởng lợi từ xu hướng hồi phục chung của thương mại toàn cầu trong 1H2022, tuy nhiên xu hướng bắt đầu xấu đi kể từ Q3/2022 khi ghi nhận sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển bắt đầu sụt giảm, sự suy yếu diễn ra tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Mỹ và EU.

Đà sụt giảm của giá trị Xuất nhập khẩu tiếp tục kéo dài trong Q1/2023, GMD ghi nhận doanh thu thuần đạt 902 tỷ đồng (+2,5% svck, khai thác cảng đạt 655 tỷ đồng, -11% svck), cảng Gemalink tiếp tục ghi nhận mức công suất khai thác thấp, đồng thời SCS ghi nhận KQKD sụt giảm so với cùng kỳ, dẫn tới lợi nhuận ghi nhận từ liên doanh, liên kết ghi nhận 21,3 tỷ đồng (cùng kỳ đạt ~126 tỷ đồng). LNST công ty mẹ Q1/2023, GMD ghi nhận 202 tỷ đồng (-26% svck).

Tình hình XNK dần bớt tiêu cực trong tháng 5, tổng giá trị XNK tăng nhẹ 5% so với tháng trước phần nào sẽ hỗ trợ KQKD cải thiện hơn. Đồng thời, kỳ vọng thương vụ chuyển nhượng cảng Nam Hải Đình Vũ (NHDV) hoàn thiện sớm sẽ đóng góp KQKD đột biến cho GMD trong Q2/2023. Triển vọng phục hồi của GMD có khả năng sẽ cao hơn từ Quý 3/2023 là mùa cao điểm xuất khẩu, cũng như việc chuyển bớt lượng hàng từ cảng NHDV sang Nam Đình Vũ giai đoạn 2 cũng sẽ góp phần vào sự cải thiện chung. Hiện giá cổ phiếu GMD đang phục hồi tốt trong ngắn hạn và giao dịch quanh vùng P/E trượt khoảng 17 lần, giá mục tiêu cơ bản là 63.000 đồng/cp.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
MBB	●	Ngân hàng	22.0	20.2	9.2%	19 - 20	5.0	1.1	3,961
CTG	●	Ngân hàng	29.3	29.4	-0.3%	28 - 29	8.2	1.3	3,548
LHG	-	Bất động sản	33.0	27.5	20.2%	25 - 26	6.7	0.9	4,089
TCB	-	Ngân hàng	33.0	32.8	0.6%	30 - 31	6.0	1.0	5,446
GAS	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	106.0	95.9	10.5%	90 - 92	12.5	2.9	7,689
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	81.1	66.4	22.1%	67 - 68	17.1	4.4	3,880

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:



Cổ phiếu Tăng trưởng



Cổ phiếu Phòng thủ



Đang cập nhật phân loại

DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

- Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt
- Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường
- Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lại lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm

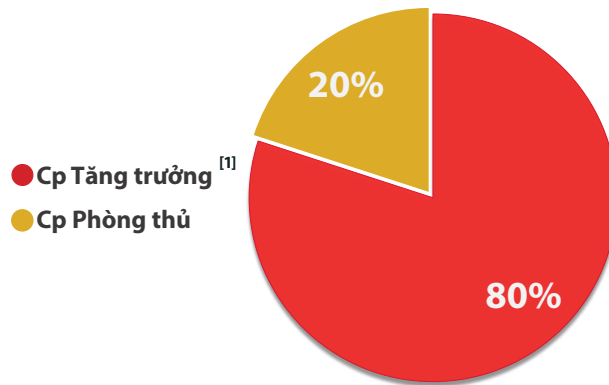
22-25%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



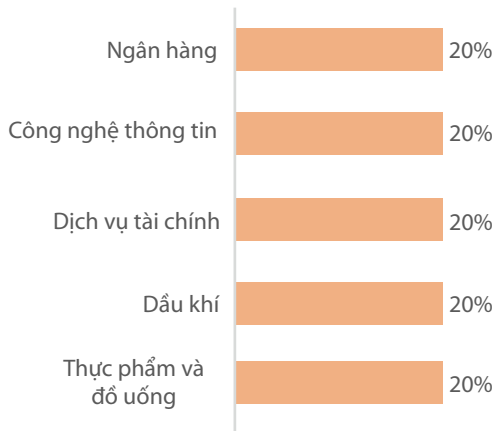
Danh mục cổ phiếu TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
BID	●	Ngân hàng	48.6	43.8	11.1%	43 - 44	20%	10.9	2.1
FPT	●	Công nghệ Thông tin	95.9	85.9	11.6%	79 - 81	20%	17.0	4.2
SSI	●	Dịch vụ tài chính	30.0	25.9	15.8%	24 - 25	20%	25.1	1.7
PVD	●	Dầu khí	26.8	25.0	7.4%	20 - 21	20%	526.3	1.0
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	81.1	66.4	22.1%	67 - 68	20%	17.1	4.4

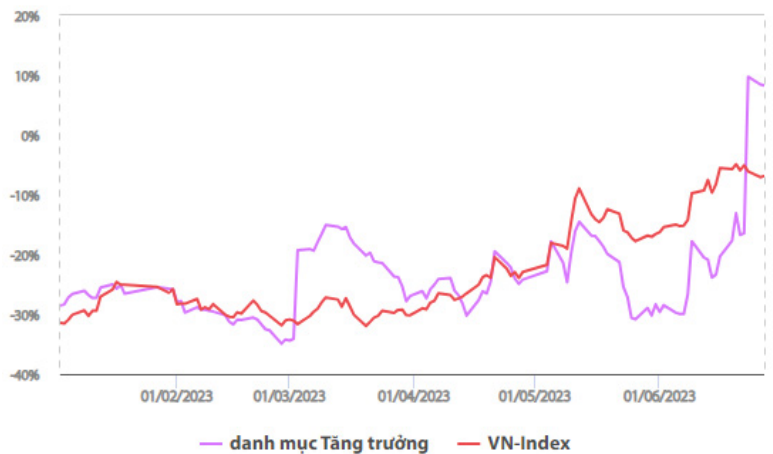
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Tăng trưởng



Dữ liệu được cập nhật tại ngày 28-06-2023

Điểm nhấn doanh nghiệp

BID HOSE

Giá mục tiêu:	48,600
Giá hiện tại:	43,750
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.1%
Vùng mua:	43.000 - 44.000

SmartScore 49

ĐIỂM	Định giá	33
	Chất lượng	65
	Động lượng	35

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	6.5%
+/- LNST (Q1/2023):	53.1%
EPS: 3,972	P/E: 10.9
ROE: 19.7%	P/B: 2.1

BID cho thấy vị thế là một trong những ngân hàng đầu ngành khi duy trì tăng trưởng ở hầu hết các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Cụ thể, thu nhập lãi thuần tăng trưởng 9% yoy và thu nhập phí dịch vụ tăng trưởng 19% yoy. Mặc dù, tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng ở mức 6,5% svck, chi phí dự phòng đã trở thành yếu tố giúp LNNT của BID ghi nhận mức tăng trưởng cao đạt 53% YoY.

Chi phí huy động (quy năm) tiếp tục tăng, phản ánh quá trình tăng lãi suất tiền gửi liên tục diễn ra trong những tháng cuối năm 2022, với mức tăng 81 bps so với quý trước. Trong khi đó, lãi suất cho vay ghi nhận độ trễ trong việc tái định lãi suất, với việc lãi suất cho vay bình quân ghi nhận tăng 57 bps dẫn đến mức tăng 61 bps trong lợi suất tài sản sinh lãi. Điều này khiến NIM của BID tiếp tục giảm 15 bps so với quý trước, đạt 2,67% trong quý 1 năm 2023. Tuy vậy, việc phân bổ tỷ trọng các khoản cho vay có lợi suất cao trong tổng tài sản sinh lãi đã đóng góp tích cực cho NIM, bù đắp cho lợi suất đầu tư trái phiếu bình quân tương đối thấp hơn.

Việc tăng cường trích lập nhằm bổ sung bộ đệm dự phòng các năm về trước sẽ tạo cơ sở cho ngân hàng giảm chi phí tín dụng trong thời gian tới. Chi phí tín dụng của ngân hàng được chúng tôi dự phóng lần lượt ở mức 1,4% và 1,2% cho năm 2023 và 2024, so với mức dao động 1,67%-2,3% trong giai đoạn 2018-2022. Dự phóng LNNT cho năm 2023-2024 lần lượt là 26.992 tỷ đồng (+17,3%) và 35.305 tỷ đồng (+30,8%).

SSI HOSE

Giá mục tiêu:	30,000
Giá hiện tại:	25,900
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.8%
Vùng mua:	24.000 - 25.000

SmartScore **63**

ĐIỂM	Định giá	47
	Chất lượng	78
	Động lượng	50

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	-25.8%
+/- LNST (Q1/2023):	-28.8%
EPS: 1,035	P/E: 25.1
ROE: 7.0%	P/B: 1.7

Chúng tôi ước tính rằng thị phần của SSI trên 3 sàn giao dịch đã tăng từ 8,9% trong quý 1/2022 và 9,2% trong quý 4/2022 lên 10,8% trong quý 1/2023. Công ty báo cáo số lượng tài khoản mở mới trong quý 1/2023 tăng 1,5 lần so với quý 4/2022. Thị phần cao hơn dự kiến trong quý 1/2023 dẫn đến việc chúng tôi tăng dự báo thị phần cả năm từ 9,2% trước đây lên 10,0%.

Chúng tôi tăng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2023 của SSI thêm 15,5% lên 1,9 nghìn tỷ đồng (+10,4% YoY) chủ yếu nhờ (1) doanh thu môi giới tăng 8,9%, (2) lãi từ FVTPL tăng 7,9% và (3) lỗ từ FVTPL giảm 21,9% do KQKD quý 1/2023 thấp hơn dự kiến. Chúng tôi dự báo LNNT năm 2023 đạt 2,3 nghìn tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 10,4% YoY so với mục tiêu tăng trưởng 20,4% YoY của SSI.

Chúng tôi tăng giá mục tiêu cho SSI lên 30.000 đồng/cổ phiếu và duy trì khuyến nghị MUA do (1) mức tăng 13,5% trong dự báo của chúng tôi đối với LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2023-2027 (15,5%/17,2%/14,4%/12,5%/11,3% cho năm 2023/24/25/26/27), (2) tác động tích cực của việc cập nhật giá mục tiêu của chúng tôi đến giữa năm 2024 và (3) giá định cao hơn đối với P/B mục tiêu của SSI từ 2,1 lần lên 2,3 lần.

PVD HOSE

Giá mục tiêu:	26,800
Giá hiện tại:	24,950
Lợi nhuận kỳ vọng:	7.4%
Vùng mua:	20.000 - 21.000

SmartScore **48**

ĐIỂM	Định giá	25
	Chất lượng	57
	Động lượng	67

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q1/2023):	7.0%
+/- LNST (Q1/2023):	100.0%
EPS: 47	P/E: 526.3
ROE: 0.2%	P/B: 1.0

Nhiều chiến dịch E&P trong nước sẽ được thực hiện bắt đầu từ năm 2024, hỗ trợ mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan phục hồi. Các dự án dài hạn trong nước như Lô B, Đại Hùng - Giai đoạn 3 và Yellow Camel sẽ tiếp tục tiến triển và cung cấp việc làm cho công ty. Ban lãnh đạo kỳ vọng Lô B sẽ nhận được quyết định đầu tư cuối cùng vào quý 3/2023 và bắt đầu khoan vào cuối năm 2025, điều này có thể mang lại các hợp đồng dịch vụ dịch vụ kỹ thuật giếng khoan cho PVD bắt đầu từ năm 2026.

PVD đã ký các hợp đồng cho PVD I và PVD VI với giá thuê ngày đạt ~USD100.000 - cao hơn 10% so với các hợp đồng trước đây. Do đó, PVD đã có được các hợp đồng cho tất cả 6 giàn cho cả năm 2023. PVD cũng đang đàm phán gia hạn hợp đồng cho giàn PVD III JU với Hibiscus (Malaysia) cho 6 tháng cuối năm 2024 với giá thuê ngày cao hơn tương ứng với diễn biến khả quan của thị trường JU toàn cầu.

Chúng tôi kỳ vọng sự phục hồi mạnh mẽ vào năm 2023, với LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi dự kiến tăng 3,5 lần YoY từ mức cơ sở thấp vào năm 2022. Mức tăng trưởng này chủ yếu nhờ giá thuê ngày giàn JU trung bình của PVD tăng 20% YoY và hiệu suất hoạt động đạt 96% (so với 85% vào năm 2022).

PVD có định giá hấp dẫn với P/B năm 2023 đạt 0,9 lần và P/E năm 2023 đạt 47,7 lần (PEG đạt 0,5 dựa trên CAGR EPS giai đoạn 2023-2026 là 96%). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị KHẢ QUAN với giá mục tiêu 26.800 đồng.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
VPB	-	Ngân hàng	26.0	19.8	31.6%	19 - 20	10.9	1.3	1,796
TCB	-	Ngân hàng	33.0	32.8	0.6%	30 - 31	6.0	1.0	5,446
ANV	●	Thực phẩm và đồ uống	38.0	35.1	8.4%	32,5 - 33,5	7.9	1.5	4,384
BSR	●	Dầu khí	18.0	17.9	0.6%	15 - 16	3.9	1.0	4,437
HDG	-	Bất động sản	35.9	39.0	-7.9%	34 - 35	8.2	1.7	4,822
NLG	-	Bất động sản	27.0	35.0	-22.7%	31 - 32	23.8	1.5	1,467
SZC	-	Bất động sản	39.0	36.6	6.6%	32 - 33	26.9	2.3	1,338
HAH	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45,2	44,0	2,8%	40 - 41	4,3	1,3	10.274
VSC	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29,2	33,4	-12,4%	0 - 0	15,6	1,5	2.115

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:



Cổ phiếu Tăng trưởng



Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

HOT!

**DANH MỤC
THEO CHỦ ĐỀ**

#1 CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO MSH TDC ...

#2 ĐẦU TƯ CÔNG HPG HSG DPG LCG PLC C4G HT1 CTD KSB ...

#3 MIDCAP NỔI BẬT BMP DBD HDG NT2 TDM ...

#4 P/B < 1 AAA CII CTD DBC DXG GEX TCB IJC PAN OIL ...

#5 BDS DÂN DỤNG & KCN KDH VHM NLG IJC KBC HDC ...

#1

CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
MSH	-	Hàng cá nhân & Gia dụng	40,0	35,8	11,9%	30 - 31	9,0	1,6	3.969
TDC	-	Bất động sản	15,5	14,1	9,9%	10 - 11	13,5	1,2	1.041

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#2

ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
HSG	-	Tài nguyên Cơ bản	17,2	17,1	0,9%	16,5 - 17	-9,7	1,0	(1.761)
HPG	-	Tài nguyên Cơ bản	21,0	24,6	-14,7%	22 - 23	215,4	1,5	114
DPG	-	Xây dựng và Vật liệu	38,0	34,8	9,4%	30 - 32	6,6	1,3	5.264
LCG	-	Xây dựng và Vật liệu	14,5	14,0	3,9%	12,6 - 13	17,5	1,0	800
PLC	●	Hóa chất	40,0	38,9	2,8%	35 - 36	25,0	2,5	1.558
C4G	●	Xây dựng và Vật liệu	14,0	14,2	-1,4%	12,5 - 13	19,7	1,3	701
HT1	-	Xây dựng và Vật liệu	17,0	16,3	4,3%	14 - 15	41,1	1,2	396
CTD	-	Xây dựng và Vật liệu	70,0	67,5	3,7%	56 - 58	369,0	0,6	183
KSB	-	Tài nguyên Cơ bản	33,0	29,3	12,8%	26 - 27	18,0	1,1	1.623
VCG	-	Xây dựng và Vật liệu	24,0	21,3	12,7%	19,7 - 20,4	79,6	1,7	268

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#3

MIDCAP NỔI BẬT

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
BMP	-	Xây dựng và Vật liệu	98,0	88,2	11,1%	85 - 87,5	8,5	2,5	10.378
DBD	-	Y tế	52,6	49,9	5,4%	45 - 46	14,2	2,6	3.489
HDG	-	Bất động sản	35,9	39,0	-7,9%	34 - 35	8,2	1,7	4.822
NT2	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	35,1	31,6	11,3%	28 - 29	9,4	2,0	3.327
TDM	-	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	40,0	37,5	6,7%	36 - 37	12,2	1,9	3.076

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng


Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#4

P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
AAA	-	Hóa chất	12,0	10,9	10,6%	10 - 10,5	33,3	0,8	329
CII	-	Xây dựng và Vật liệu	20,0	18,7	7,0%	17,5 - 18	52,0	0,9	362
CTD	-	Xây dựng và Vật liệu	70,0	67,5	3,7%	56 - 58	369,0	0,6	183
DBC		Thực phẩm và đồ uống	23,0	21,3	8,2%	19 - 20	-28,5	1,2	(741)
DXG	-	Bất động sản	0,0	15,9	-100,0%	0 - 0	-43,2	1,0	(355)
GEX	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23,0	20,3	13,3%	18 - 19	896,0	1,5	23
HHV	-	Xây dựng và Vật liệu	0,0	15,0	-100,0%	0 - 0	16,4	1,2	912
HSG	-	Tài nguyên Cơ bản	17,2	17,1	0,9%	16,5 - 17	-9,7	1,0	(1.761)
IJC	-	Bất động sản	15,0	15,7	-4,2%	12,5 - 13,5	8,6	1,0	1.785
LPB	-	Ngân hàng	16,0	15,2	5,0%	14,6 - 15	5,7	1,0	2.658
MSB	-	Ngân hàng	13,7	13,1	5,0%	12,3 - 12,7	5,5	0,9	
NKG	-	Tài nguyên Cơ bản	19,0	17,7	7,6%	16 - 17	-7,5	0,9	
OCB	-	Ngân hàng	15,8	18,5	-14,4%	0 - 0	6,9	1,0	
PAN	-	Thực phẩm và đồ uống	20,5	19,5	5,0%	17,55 - 18,525	12,3	0,9	
PPC		Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14,3	16,3	-12,3%	14,67 - 15,485	15,6	1,0	

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 25-05-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:



Cổ phiếu Tăng trưởng



Cổ phiếu Phòng thủ



Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#4

P/B < 1 (tiếp theo)

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
PVD	●	Dầu khí	26,8	25,0	7,4%	20 - 21	526,3	1,0	
TCB	-	Ngân hàng	33,0	32,8	0,6%	30 - 31	6,0	1,0	
TCH	-	Ô tô và phụ tùng	9,5	9,1	5,0%	8,163 - 8,6165	23,4	0,7	
SHS	-	Dịch vụ tài chính	15,0	13,9	7,9%	12 - 13	-89,3	1,2	
BSR	●	Dầu khí	17,5	17,9	-2,2%	15 - 16	3,9	1,0	
OIL	-	Dầu khí	11,0	10,5	5,0%	9,45 - 9,975	18,3	1,0	
VGT	-	Hàng cá nhân & Gia dụng	14,0	13,1	6,9%	11,5 - 12,5	12,6	0,9	

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng

● Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* **2xx,x** (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#5

BDS DÂN DỤNG & KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
NLG	-	Bất động sản	27,0	35,0	-22,7%	31 - 32	23,8	1,5	1.467
KDH	-	Bất động sản	38,0	31,8	19,5%	29 - 30	21,8	1,9	1.405
VHM	-	Bất động sản	56,0	55,6	0,7%	50 - 52	6,6	1,5	8.269
IJC	-	Bất động sản	15,0	15,7	-4,2%	12,5 - 13,5	8,6	1,0	1.785
HDC	-	Bất động sản	31,0	30,4	2,0%	28 - 28,5	11,4	2,2	2.622
KBC	-	Bất động sản	31,0	29,3	6,0%	26 - 27	11,2	1,3	2.620
LHG	-	Bất động sản	33,0	27,5	20,2%	25 - 26	6,7	0,9	4.089
PHR	●	Bất động sản KCN	49,0	48,3	1,4%	43 - 45	8,0	1,9	6.029
DPR	●	Hóa chất	58,0	59,4	-2,4%	55 - 57	9,9	1,1	5.967
IDC	-	Bất động sản	45,5	43,7	4,1%	41,5 - 42	6,5	2,8	6.675
SZC	-	Bất động sản	38,0	36,6	3,8%	32 - 33	26,9	2,3	1.338
VGC	-	Xây dựng và Vật liệu	47,5	45,1	5,4%	40,8 - 41,2	16,4	2,6	2.761
GVR	-	Hóa chất	20,0	19,4	3,1%	16 - 17	23,5	1,6	828

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-06-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro



Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



Chiến lược đầu tư

Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.

Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.



Cơ cấu đầu tư

Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.

Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng

Phương pháp đầu tư

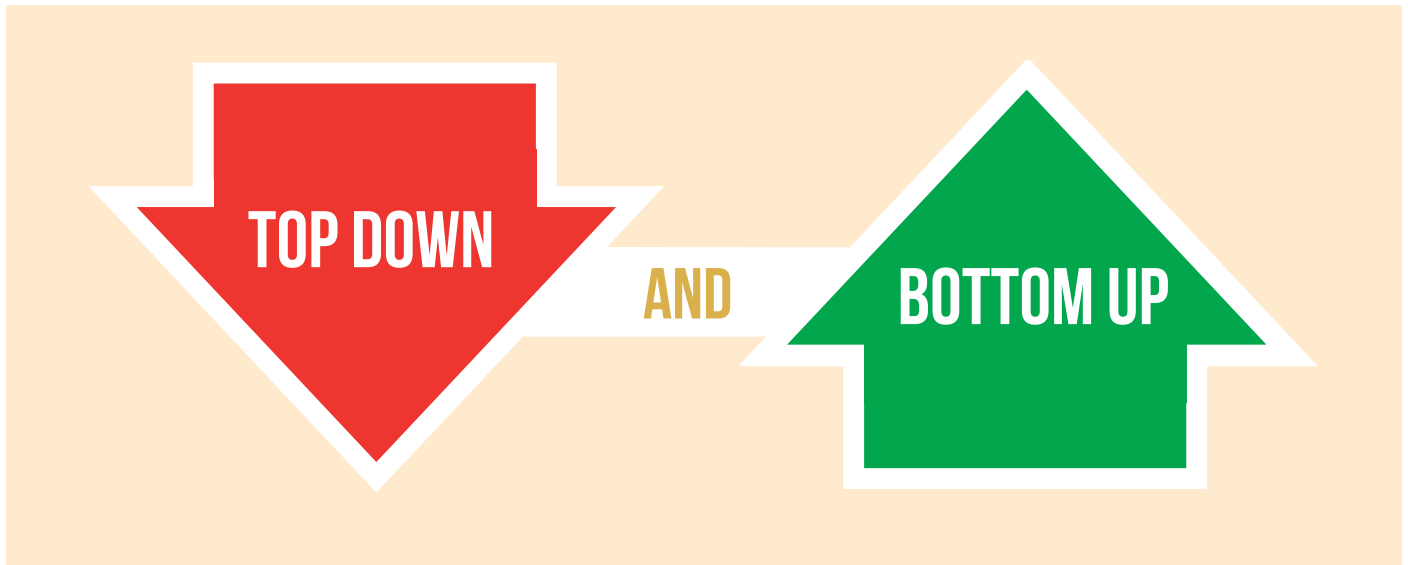
SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.

Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.



PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Kết hợp Bottom-Up và Top-down để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội



Đối với **phương pháp Top-down**, các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

1. Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng
2. Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như
 - Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động,
 - Chất lượng quản trị & năng lực điều hành,
 - Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp,
 - Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận.
3. Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai

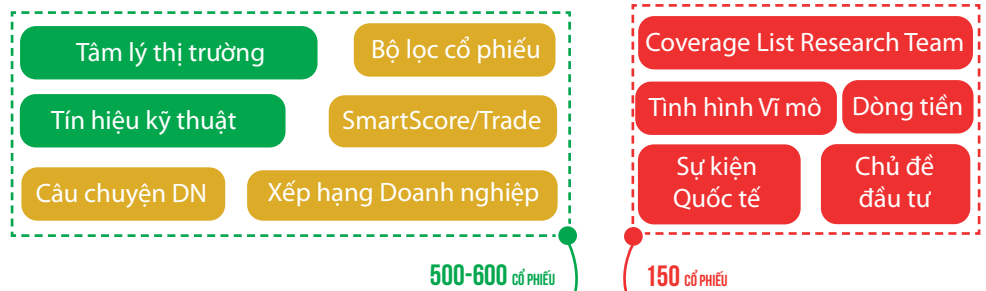


Đối với **phương pháp Bottom-up**, chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng

- Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ;
- Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý;

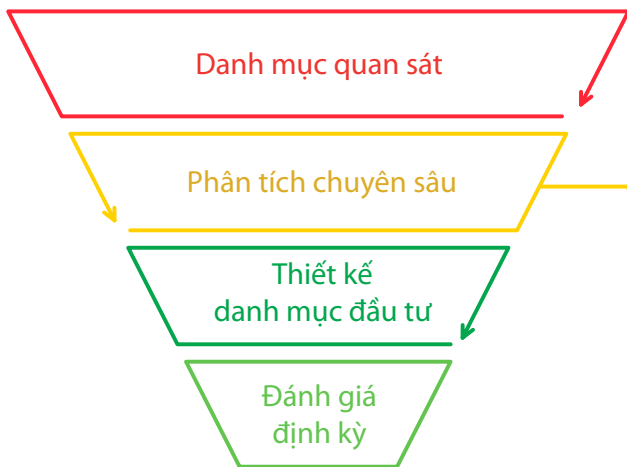
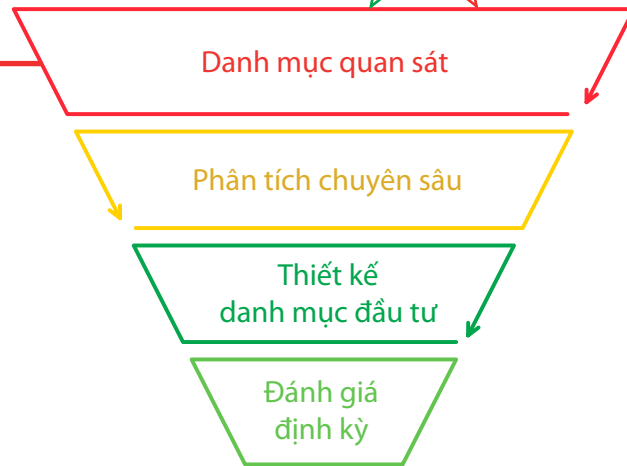
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Quy trình xây dựng danh mục đầu tư



500-600 CỔ PHIẾU

- Các cổ phiếu được đánh giá dựa trên yếu tố cơ bản
- Xác định **chủ đề trọng điểm** thu hút được dòng tiền lớn tham gia
- Đảm bảo đạt được các tiêu chí của công cụ **SmartScore, SmartTrade**



200 CỔ PHIẾU

Đưa các cp vào danh mục dựa trên các yếu tố Lợi suất kỳ vọng & Rủi ro thỏa mãn những tiêu chí sau (có thể tùy vào từng danh mục):

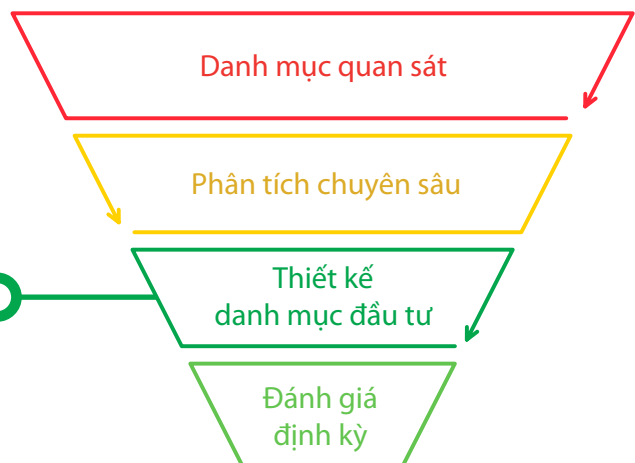
- Định giá hấp dẫn.
- Hiệu suất sinh lời hợp lý.
- Tiềm năng tăng giá, upside hấp dẫn (lớn hơn 20%).
- Điểm mua/bán phù hợp với diễn biến thị trường.

100 CỔ PHIẾU

Thiết lập danh mục đầu tư tương ứng phân bổ tỷ trọng phù hợp với Rủi ro & Lợi suất đầu tư

Quan sát biến động giá trong vòng 3-6 tháng gần nhất để chọn ra vùng giá mua hợp lý

Thay vì cố gắng tìm cách mua đáy bán đỉnh, chúng tôi tìm kiếm những cổ phiếu đang giao dịch ở vùng đáy trung/dài hạn với mức biên an toàn đủ lớn. Từ đó, lợi nhuận của danh mục được đảm bảo tăng trưởng bền vững hơn.



Diễn giải

[1] Phân loại cổ phiếu:

- **Cổ phiếu phòng thủ** là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...
- **Cổ phiếu tăng trưởng** là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ẩn tượng khi họ bán cổ phiếu.

Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro. Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

Chấm điểm cổ phiếu SmartScore

Điểm **Định giá** tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành. Các tiêu chí trong cấu phần điểm Định giá:

- P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
- Vốn hoá thị trường,...

Điểm **Chất lượng** tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:

- Chỉ số Hoạt động: vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
- Chỉ số Thanh khoản: chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
- Chỉ số Cơ cấu tài sản: nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
- Chỉ số Hiệu quả: biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
- Chỉ số Tăng trưởng: tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...

Điểm **Động lượng** tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường. Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:

- Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
 - Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
 - Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...
-



THẤU HIỂU SẢN PHẨM - TỐI ƯU LỢI NHUẬN

smartDragon

Nền tảng hỗ trợ đặc lực cho đầu tư chứng khoán



KHÁM PHÁ NGAY!